

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ 3 NĂM 2021

Báo cáo gồm có:

1. *Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
2. *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
3. *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
4. *Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2021



CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		555,942,262,293	663,673,801,498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,795,741,286	1,820,363,311
1. Tiền	111	V.01	2,795,741,286	1,820,363,311
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	212,800	710,823,067
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237,860	710,823,067
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(25,060)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		409,980,910,947	508,685,305,759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	232,540,236,870	256,752,424,570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44,122,684,898	41,983,476,238
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	263,533,657,739	340,165,073,511
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(130,479,674,622)	(130,479,674,622)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	264,006,062	264,006,062
IV. Hàng tồn kho	140		137,832,537,416	146,017,603,893
1. Hàng tồn kho	141	V.07	216,481,810,636	211,547,420,272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(78,649,273,220)	(65,529,816,379)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,332,859,844	6,439,705,468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	36,456,922	46,535,832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,295,471,701	6,392,238,415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		931,221	931,221
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		317,044,291,242	333,496,842,226
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		677,234,990	
1. Phải thu dài hạn khác	216		677,234,990	
I. Tài sản cố định	220		13,085,600,621	16,342,883,629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13,085,600,621	16,342,883,629
- Nguyên giá	222		107,734,886,758	114,184,353,259
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(94,649,286,137)	(97,841,469,630)
III. Bất động sản đầu tư	230		104,026,934,424	106,101,801,634
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132,036,029,974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(28,009,095,550)	(25,934,228,340)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	7,102,399,687	7,102,399,687
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,102,399,687	7,102,399,687
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	191,716,759,663	203,578,752,549
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		185,425,289,663	197,287,282,549
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,891,470,000	9,891,470,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3,600,000,000)	(3,600,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		435,361,857	371,004,727
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10		1,068,180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435,361,857	369,936,547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		872,986,553,535	997,170,643,724

10
 CÔNG
 C
 ĐIỆN
 VI
 (G)

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		650,236,922,255	757,152,369,897
I. Nợ ngắn hạn	310		518,803,601,097	525,877,064,826
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	212,480,305,390	210,131,460,107
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83,388,124,470	86,104,736,246
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23,272,250,743	38,657,718,281
4. Phải trả người lao động	314		2,483,400,134	2,485,510,833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	69,591,610,297	55,168,407,624
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2,590,909,091	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	108,837,969,262	108,238,316,449
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	8,164,511,177	16,740,434,753
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,994,520,533	8,350,480,533
II. Nợ dài hạn	330		131,433,321,158	231,275,305,071
1. Phải trả dài hạn khác	337		122,788,016,087	215,000,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8,645,305,071	15,725,305,071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339			550,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		222,749,631,280	240,018,273,827
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	222,749,631,280	240,018,273,827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(348,017,114,086)	(330,695,802,816)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(346,279,256,407)	(330,695,802,816)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1,737,857,679)	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7,315,135,776	7,262,467,053
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		872,986,553,535	997,170,643,724

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2021

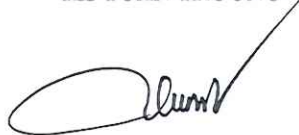
Chi tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	6,680,778,255	42,014,148,949	97,972,551,651	85,465,546,381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,680,778,255	42,014,148,949	97,972,551,651	85,465,546,381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	4,513,374,342	39,192,498,676	102,449,692,238	73,341,007,402
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,167,403,913	2,821,650,273	(4,477,140,587)	12,124,538,979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	286,058,242	422,794,210	1,545,553,091	1,279,086,838
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	90,025,060	317,113,194	438,079,780	5,230,454,902
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90,000,000	282,129,826	434,927,389	5,016,762,754
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		(2,632,522,060)	-	(6,761,663,223)	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	1,627,950,139	1,820,335,833	5,396,175,937	6,158,272,809
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,897,035,104)	1,106,995,456	(15,527,506,436)	2,014,898,106
12. Thu nhập khác	31	VI.06	168,932,966	101,612,141	305,439,683	235,267,853
13. Chi phí khác	32	VI.07	380,989	114,757	2,185,053,932	966,951,829
14. Lợi nhuận khác	40		168,551,977	101,497,384	(1,879,614,249)	(731,683,976)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1,728,483,127)	1,208,492,840	(17,407,120,685)	1,283,214,130
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	(138,478,138)	(135,303,032)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1,728,483,127)	1,208,492,840	(17,268,642,547)	1,418,517,162
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(1,737,857,679)	1,456,014,120	(17,321,311,270)	2,108,469,102
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9,374,552	(247,521,280)	52,668,723	(689,951,940)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(33)	28	(333)	41
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(33)	28	(333)	41

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)
 Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội
 Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯU KÊ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17,407,120,685)	1,283,214,130
2. Điều chỉnh cho các khoản			17,755,875,297	12,631,861,713
- Khấu hao TSCĐ	02		3,821,665,043	8,419,044,439
- Các khoản dự phòng	03		13,119,481,901	(202,518,897)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(378,275,705)	88,708,149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		758,076,669	(690,134,732)
- Chi phí lãi vay	06		434,927,389	5,016,762,754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		348,754,612	13,915,075,843
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		106,799,063,527	592,655,098
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(4,934,390,364)	(4,796,595,672)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(80,055,691,157)	20,782,912,048
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		11,147,090	65,236,456
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		710,585,207	180,108,838
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,002,089,297)	(36,728,175,401)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9,299,766,573)	(3,326,168,405)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(355,960,000)	(402,550,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,221,653,045	(9,717,501,195)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(90,900,000)	(36,102,840,377)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		401,363,637	
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,601,526,778)	(933,041,096)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16,601,526,778	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4,417,602,000	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231,582,869	690,134,732
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4,959,648,506	(36,345,746,741)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		27,020,000,000	80,348,106,335
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(43,225,923,576)	(23,929,983,346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,205,923,576)	56,418,122,989
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		975,377,975	10,354,875,053
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,820,363,311	4,271,078,526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(15,879)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2,795,741,286	14,625,937,700

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đập mới, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, ximăng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
 - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
 - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
 - Môi giới bất động sản;
 - Định giá bất động sản;
 - Sàn giao dịch bất động sản;
 - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc tập đoàn**
- Tổng số các Công ty con: 03
 - + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03
 - + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
 - Danh sách các Công ty con được hợp nhất
 - + Công ty CP Bất động sản MECO
- Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %
- + Công ty CP khoáng sản MECO
- Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,05 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,0 %- + Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 51,48 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 6A, Ngõ 52, đường Nguyễn Trãi, Tổ 9 - Phường Quyết Thắng - Thành phố Sơn La - Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 46 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 46 %

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2021 là năm tài chính thứ 16 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loai tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế							Đơn vị tính: VND	
1- Tiền							Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt							994,383,986	776,879,459
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn							1,801,357,300	1,043,483,852
Cộng							2,795,741,286	1,820,363,311
2- Các khoản đầu tư tài chính:							Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng		
a) Chứng khoán kinh doanh:	237,860	212,800	(25,060)	710,823,067	724,131,850			
- Tổng giá trị cổ phiếu	237,860	212,800	(25,060)	710,823,067	724,131,850			
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank	237,860	212,800	(25,060)	679,836,719	691,241,850			
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16				30,986,348	32,890,000			
- Số lượng cổ phiếu					Cuối kỳ	Đầu năm		
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank					7	20,007		
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16						2,200		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			Cuối kỳ			Đầu năm		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha				185,425,289,663		193,598,318,652		
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn						3,688,963,897		
Cộng				185,425,289,663		197,287,282,549		
- Đầu tư vào đơn vị khác			Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý		
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1,050,000,000	(1,050,000,000)		1,050,000,000	(1,050,000,000)			
+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện Mecco	2,250,000,000		2,250,000,000	2,250,000,000		2,250,000,000		
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	2,241,470,000		2,241,470,000	2,241,470,000		2,241,470,000		
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1,800,000,000		1,800,000,000	1,800,000,000		1,800,000,000		
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2,550,000,000	(2,550,000,000)		2,550,000,000	(2,550,000,000)			
Cộng	9,891,470,000	(3,600,000,000)	6,291,470,000	9,891,470,000	(3,600,000,000)	6,291,470,000		
Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 4.207.240.000 đồng tại Công ty CP xây lắp thủy lợi MECO Sài Gòn cho ông Nguyễn Ngọc Bình với giá bán 4.417.602.000 đồng.								
3- Phải thu của khách hàng							Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn							220,910,269,674	214,404,579,467
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan							11,629,967,196	42,347,845,103
<i>Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha</i>								
<i>Phải thu về tiền sản lượng</i>							10,545,165,978	10,545,165,978
<i>Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng</i>							13,029,806	-
<i>Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO</i>								
<i>Phải thu về tiền sản lượng thi công xây lắp, thanh lý tài sản XDCBDD</i>							925,682,068	925,682,068
<i>Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</i>								
<i>Tiền điện nước</i>							146,089,344	65,013,144
<i>Tiền thuê mặt bằng</i>							-	30,811,983,913
Cộng							232,540,236,870	256,752,424,570
4- Phải thu khác							Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Dự phòng		Giá trị	Dự phòng			
Ngắn hạn	247,349,076,361	(12,465,409,823)		278,892,340,298	(12,465,409,823)			
- Tạm ứng	130,979,041,230	(196,467,500)		129,561,077,562	(196,467,500)			
- Ký cược, ký quỹ	24,603,366			24,603,366				
- Phải thu khác	116,345,431,765	(12,268,942,323)		149,306,659,370	(12,268,942,323)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>					
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	16,184,581,378	-	61,272,733,213	-	-
Dự án Dương Nội	4,351,790	-	-	-	-
Công ty CP thủy điện Khánh Khê	3,474,296,588	-	46,930,800,213	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phải thu tạm ứng	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-	-
Ông Trần Hải Anh - Phải thu tạm ứng	10,892,233,000	-	12,778,233,000	-	-
Ông Nguyễn Văn Huyền - Phải thu tạm ứng	40,000,000	-	40,000,000	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	273,700,000	-	23,700,000	-	-
- Ký cược, ký quỹ	677,234,990	-	-	-	-
	677,234,990	-	-	-	-
Cộng	264,210,892,729	(12,465,409,823)	340,165,073,511	(12,465,409,823)	
5- Tài sản thiếu chờ xử lý					
	Số lượng	Cuối kỳ	Số lượng	Đầu năm	
a) Tài sản khác		Giá trị		Giá trị	
Cộng		264,006,062		264,006,062	
		264,006,062		264,006,062	
6- Nợ xấu					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể thu	
	(130,479,674,622)	-	(130,479,674,622)	-	
7- Hàng tồn kho					
	Giá gốc	Cuối kỳ	Đầu năm		
- Hàng mua đang đi trên đường		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Nguyên liệu, vật liệu	11,591,530,285	11,087,639,156	5,072,293,690		
- Công cụ, dụng cụ	198,713,726		11,879,583,868		
- Chi phí SX, KD dở dang	196,882,178,854	65,307,088,048	198,713,726		
- Thành phẩm	790,614,411	222,728,331	191,455,877,597	65,307,088,048	
- Hàng hóa	2,031,817,685	2,031,817,685	790,614,411	222,728,331	
- Hàng gửi bán	4,986,955,675		2,031,817,685		
			118,519,295		
Cộng	216,481,810,636	78,649,273,220	211,547,420,272	65,529,816,379	
8- Tài sản dở dang dài hạn					
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		Cuối kỳ	Đầu năm		
- Mua sắm			Cuối kỳ	Đầu năm	
- XDCC			614,138,517	614,138,517	
<i>Dự án khu đô thị MECO - CITY</i>			6,488,261,170	6,488,261,170	
<i>Dự án mỏ đá Hòa Bình</i>			107,304,540	107,304,540	
Cộng			6,380,956,630	6,380,956,630	
			7,102,399,687	7,102,399,687	

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	1,556,508,000	99,634,265,643	12,474,720,776	518,858,840	114,184,353,259
- Mua trong kỳ	-	-	54,545,455	36,354,545	90,900,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1,796,330,000)	(4,744,036,501)		(6,540,366,501)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1,556,508,000	97,837,935,643	7,785,229,730	555,213,385	107,734,886,758
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	1,556,508,000	83,291,382,014	12,474,720,776	518,858,840	97,841,469,630
- Khấu hao trong kỳ	1,400,719,648	1,742,758,440	-	4,039,393	3,147,517,481

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Thanh lý, nhượng bán	-	(249,490,280)	(4,689,491,046)		(4,938,981,326)
- Tăng, giảm khác	(1,400,719,648)	-	-	-	(1,400,719,648)
Số dư cuối kỳ	1,556,508,000	84,784,650,174	7,785,229,730	522,898,233	94,649,286,137
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	16,342,883,629	-	-	16,342,883,629
- Tại ngày cuối kỳ	-	13,053,285,469	-	32,315,152	13,085,600,621

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	132,036,029,974			132,036,029,974
- Nhà	123,892,092,623			123,892,092,623
- Cơ sở hạ tầng	8,143,937,351			8,143,937,351
Giá trị hao mòn lũy kế	25,934,228,340	2,074,867,210		28,009,095,550
- Nhà	19,202,586,444	1,941,185,440		21,143,771,884
- Cơ sở hạ tầng	6,731,641,896	133,681,770		6,865,323,666
Giá trị còn lại	106,101,801,634			104,026,934,424
- Nhà	104,689,506,179			102,748,320,739
- Cơ sở hạ tầng	1,412,295,455			1,278,613,685

10- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cuối kỳ

Đầu năm

36,456,922

46,535,832

b) Dài hạn

- Các khoản khác

1,068,180

Cộng

36,456,922

47,604,012

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11- Vay và nợ thuê tài chính							
	Giá trị	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	8,164,511,177	8,164,511,177	17,050,000,000	25,625,923,576	16,740,434,753	16,740,434,753	
Ông Nguyễn Ngọc Bình	3,800,000,000	3,800,000,000	14,700,000,000	17,200,000,000	6,300,000,000	6,300,000,000	
Vay ngắn hạn khác	4,364,511,177	4,364,511,177	2,350,000,000	8,425,923,576	10,440,434,753	10,440,434,753	
b) Vay dài hạn	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071	
Từ 1 đến 5 năm	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071	
Ông Nguyễn Ngọc Bình	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071	
Cộng	16,809,816,248	16,809,816,248	27,020,000,000	42,675,923,576	32,465,739,824	32,465,739,824	
12- Phải trả người bán							
	Giá trị	Cuối kỳ		Đầu năm			
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	194,813,379,858	194,813,379,858	187,111,538,659	187,111,538,659	23,019,921,448	23,019,921,448	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	17,666,925,532	17,666,925,532	17,666,925,532	17,666,925,532	23,019,921,448	23,019,921,448	
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO							
Phải trả tiền mua vật tư		6,270,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396	
Công ty CP Thủy điện Khánh Khê							
Phải trả tiền mua vật tư				3,052,995,916	3,052,995,916	3,052,995,916	
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện							
Phải trả tiền mua vật tư		10,770,036,450	10,770,036,450	10,770,036,450	10,770,036,450	10,770,036,450	
Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn							
Phải trả tiền khối lượng thi công		626,375,686	626,375,686	2,926,375,686	2,926,375,686	2,926,375,686	
Cộng		212,480,305,390	212,480,305,390	210,131,460,107	210,131,460,107	210,131,460,107	
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước							
	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong	Cuối kỳ			
a) Phải nộp							
- Thuế GTGT	6,603,112,674	903,799,843	6,382,211,221	1,124,701,296			
- Thuế TNDN	9,299,766,573	-	9,299,766,573	-			
- Thuế TNCN	73,829,229	49,961,600	89,708,054	34,082,775			
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	140,953,911	-	-	140,953,911			
- Các loại thuế khác	22,540,055,894	745,196,860	1,312,739,993	21,972,512,761			
Cộng	38,657,718,281	1,698,958,303	17,084,425,841	23,272,250,743			
14- Chi phí phải trả							
	Cuối kỳ	Đầu năm					
a) Ngắn hạn	69,591,610,297	55,168,407,624					
Phải trả các bên liên quan	5,450,222,484	5,450,222,484					
- Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả	5,450,222,484	5,450,222,484					
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	64,141,387,813	49,718,185,140					
- Chi phí lãi vay phải trả	470,130,588	470,130,588					
- Lãi trái phiếu phải trả	75,242,000	75,242,000					
- Chi phí công trình	62,445,745,540	47,552,412,279					
- Chi phí hỗ trợ di dời	1,620,400,273	1,620,400,273					
Cộng	69,591,610,297	55,168,407,624					
15- Phải trả khác							
	Cuối kỳ	Đầu năm					

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	228,382,418	280,502,147
- Bảo hiểm xã hội	1,072,226,424	856,623,088
- Bảo hiểm thất nghiệp	9,684,600	
- Phải trả về cổ phần hoá	252,180,000	252,180,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	149,749,080	142,428,797
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	87,848,300	87,848,300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107,037,898,440	106,618,734,117
Cộng	108,837,969,262	108,238,316,449
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	122,788,016,087	215,000,000,000
Cộng	122,788,016,087	215,000,000,000
a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế TNDN hoãn lại do Công ty chưa bán dịch vụ ra ngoài	435,361,857	369,936,547
	435,361,857	369,936,547

17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(324,368,609,613)	219,167,896,102	458,250,896,079
- Lãi trong năm trước					2,108,469,102		2,108,469,102
- Tăng khác					2,854,784,744	22,244,766,009	25,099,550,753
- Giảm khác					(11,290,447,049)	(233,980,284,333)	(245,270,731,382)
- Lỗ trong năm trước						(169,910,725)	(169,910,725)
Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(330,695,802,816)	7,262,467,053	240,018,273,827
- Lỗ trong kỳ					(17,321,311,270)	52,668,723	(17,268,642,547)
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(348,017,114,086)	7,315,135,776	222,749,631,280

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
575,100,000,000	575,100,000,000
575,100,000,000	575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp cuối năm

Năm nay	Năm trước
575,100,000,000	575,100,000,000
575,100,000,000	575,100,000,000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Cuối kỳ	Đầu năm
57,510,000	57,510,000
57,510,000	57,510,000
57,510,000	57,510,000
5,460,000	5,460,000
5,460,000	5,460,000
52,050,000	52,050,000
52,050,000	52,050,000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

Cuối kỳ	Đầu năm
28,817,258,755	28,817,258,755

19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

Đông Euro (EUR)

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

Cuối kỳ	Đầu năm
	306.05
	295.38
184,040,922,406	184,051,396,602

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Q3/2021	Q3/2020
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng		5,999,005,335
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		25,179,237,273
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện		
- Doanh thu khác	6,680,778,255	10,835,906,341
Cộng	6,680,778,255	42,014,148,949
2- Giá vốn hàng bán	Q3/2021	Q3/2020
- Giá vốn của hàng hoá đã bán		5,985,703,070
- Giá vốn hoạt động xây dựng		23,737,069,839
- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện		
- Giá vốn khác	4,513,374,342	9,469,725,767
Cộng	4,513,374,342	39,192,498,676
3- Doanh thu hoạt động tài chính	Q3/2021	Q3/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	286,058,242	422,794,210
Cộng	286,058,242	422,794,210
4- Chi phí tài chính	Q3/2021	Q3/2020
- Lãi tiền vay	90,000,000	282,129,826
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		34,014,387
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	25,060	
- Chi phí tài chính khác		968,981
Cộng	90,025,060	317,113,194
5- Thu nhập khác	Q3/2021	Q3/2020
- Các khoản khác	123,478,421	101,612,141
Cộng	168,932,966	101,612,141
6- Chi phí khác	Q3/2021	Q3/2020
- Các khoản phạt chậm nộp thuế		114,757
- Chi phí khác	380,989	
Cộng	380,989	114,757
7 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Q3/2021	Q3/2020
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1,237,442,550	1,431,226,814
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49,517,381	67,648,675
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8,623,093	103,822,360
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,029,545	1,673,280
- Thuế phí và lệ phí		3,785,466
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	296,719,004	376,618,133
- Chi phí bằng tiền khác	32,618,566	(64,438,895)
Cộng	1,627,950,139	1,820,335,833
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Q3/2021	Q3/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330,354,968	6,901,908,805
- Chi phí nhân công		656,682,259
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,071,224,362	1,978,273,564
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,963,544,639	160,687,649
- Chi phí khác	7,305,924,593	19,937,139,783
Cộng	15,671,048,562	29,634,692,060
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q3/2021	Q3/2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,728,483,127)	1,208,492,840

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong đó		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(1,728,483,127)	1,208,492,840
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu	(332,375,149,567)	(326,251,070,738)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	2,632,522,060	
<i>Các khoản phạt thuế</i>		
<i>Phân lỗ trong công ty liên kết</i>		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2,632,522,060	
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(335,007,671,627)	(326,251,070,738)
<i>Trong đó</i>		
<i>Lỗ lũy kế của công ty mẹ</i>		
- Tổng thu nhập chịu thuế	(335,007,671,627)	
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	(334,103,632,694)	(325,042,577,898)
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	28,844,777	6,680,863
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác</i>		
- Thuế suất thuế TNDN	(334,132,477,470.888)	(325,049,258,761)
	20%	20%
11- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	Q3/2021	Q3/2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	138,478,138	

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường		27,020,000,000
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường		43,225,923,576

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q3/2021	Q3/2020
Tiền lương	362,500,800	404,698,309
Cộng	362,500,800	404,698,309

Giao dịch phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này</u>
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay trong kỳ	7,948,000,000
Ông Nguyễn Văn Huyền - TV HĐQT, Phó tổng giám đốc	Tạm ứng	3,362,040,000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.11, V.14

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty CP Bất động sản MECO	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty liên kết
Công ty CP XD Thủy lợi Meco Sài Gòn	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP thiết bị phụ tùng Cơ điện	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP thủy điện Khánh Khê	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:	

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

	Kỳ này
Phải thu về tiền điện nước	4,610,362
Chi hộ tiền lương, bảo hiểm	1,219,320

Công ty CP Bất động sản MECO

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thanh toán khối lượng thi công DA 102	37,148,751,192
Phải trả khác	1,860,000,000
Thanh toán phải trả khác	5,348,268,000
Công ty CP thủy điện Khánh Khê	
Thu tiền nợ bảo hiểm	27,211,925
Phải thu tiền bảo hiểm	45,189,026
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	
Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng	5,492,311,168
Thanh toán tiền điện nước	190,785,787
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	
Phải thu khác	12,517,011
Phải trả mua hàng	54,545,455

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha		
Phải thu về tiền điện nước	13,029,806	
Phải thu về tiền khối lượng thi công	10,545,165,978	10,545,165,978
Phải thu về tiền lương chi hộ	4,351,790	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO		
Phải thu về khối lượng thi công	715,682,068	715,682,068
Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD	210,000,000	210,000,000
Công ty CP Bất động sản MECO		
Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mòng, Bình Long	287,771,520	133,164,000
Phải thu khác	84,780,800,000	141,780,800,000
Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
Phải thu về tiền điện nước	146,089,344	65,013,144
Phải thu về tiền thuê mặt bằng		30,811,983,913
Công ty CP thủy điện Khánh Khê		
Phải thu khác	1,500,000,000	1,500,000,000
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	16,809,969,107	18,542,503,067
Ứng trước tiền thi công	1,000,000,000	1,000,000,000
Phải thu về tiền cho vay	6,321,803,868	700,663,090
Phải thu khác (bảo hiểm và thếp)	108,238,504	69,676,256
Cộng nợ phải thu	122,442,901,985	206,074,651,516
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO		
Phải trả tiền vật tư	6,270,513,396	6,270,513,396
Ứng trước tiền thí nghiệm Suối Choang	55,000,000	55,000,000
Công ty CP Bất động sản MECO		
Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hóa 1, Bản Mòng	34,535,460,764	70,918,999,441
Phải trả khác	4,650,732,000	
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	626,375,686	2,926,375,686
Phải trả khác	137,469,755	137,469,755
Công ty CP thủy điện Khánh Khê		
Ứng trước tiền thi công	1,972,261,766	1,972,261,766

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Phải trả tiền vật tư.		3,052,995,916
Phải trả khác	27,044,791	50,526,048
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện		
Phải trả tiền vật tư	10,770,036,450	10,770,036,450
Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
Phải trả khác	122,788,016,087	215,000,000,000
Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long		
Ứng trước tiền thi công công trình Bình Long	11,157,437,056	
Cộng nợ phải trả	193,000,247,900	311,164,078,607

Công nợ của công ty con, công ty liên kết với các bên liên quan khác tại ngày kết thúc quý có số dư như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP cơ khí Văn Lâm		
+ Nhận tiền ứng trước thi công công trình Nậm Hóa của Công ty CP	26,187,776,098	26,187,776,098
+ Phải thu của Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha thi công công trình	3,607,822,504	3,607,822,504
+ Phải trả tiền vay cho ông Nguyễn Ngọc Bình	3,800,000,000	4,800,000,000
+ Ứng trước tiền thi công Bình Long của Công ty CP năng lượng tái tạo	645,975,380	
+ Phải trả thi công Bàn Mông cho Công ty CP Bất động sản MECO	12,694,940	
- Công ty CP Bất động sản MECO		
+ Phải trả khác công trình Thành Thái cho Công ty CP xây dựng thủy lợi	2,288,216,145	2,288,216,145
+ Phải trả khác cho Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	142,654,745	142,654,745
+ Phải trả khác cho ông Trần Hải Anh	5,000,000	
+ Phải trả khác cho bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	1,014,887,000	1,014,887,000
- Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha		
+ Phải trả thi công công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP cơ điện và xây	10,545,165,977	10,545,165,977
+ Ứng trước tiền thi công công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP cơ khí	22,589,953,597	22,589,953,597
+ Phải trả mua vật tư công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP thiết bị phụ	16,104,933,820	18,904,933,820
+ Ông Nguyễn Ngọc Bình tạm ứng	14,805,569,932	14,805,569,932
+ Ông Nguyễn Văn Huyền tạm ứng	3,855,190,000	355,950,000
+ Phải trả tiền vay cho ông Nguyễn Ngọc Bình	39,468,200,000	22,794,000,000

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài				6,680,778,255	6,680,778,255
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ				6,680,778,255	6,680,778,255
Chi phí bộ phận	(203,439,227)			6,344,763,708	6,141,324,481

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

KQKD theo bộ phận	203,439,227	336,014,547	539,453,774
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết			(2,632,522,060)
Lợi nhuận từ hoạt động KD			(2,093,068,286)
Doanh thu hoạt động tài chính			286,058,242
Chi phí tài chính			90,025,060
Thu nhập khác			123,478,421
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(1,728,483,127)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Số cuối năm	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Tài sản phân bổ cho bộ phận	292,994,760,479	295,959,461,121	288,978,170,210	(4,945,838,275)	872,986,553,535
Tổng tài sản	292,994,760,479	295,959,461,121	288,978,170,210	(4,945,838,275)	872,986,553,535
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	526,475,349,524	85,558,195,400	17,324,331,871	20,879,045,460	650,236,922,255
Tổng nợ phải trả	526,475,349,524	85,558,195,400	17,324,331,871	20,879,045,460	650,236,922,255
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	292,645,113,833	296,012,718,121	288,978,170,210	119,534,641,560	997,170,643,724
Tổng tài sản	292,645,113,833	296,012,718,121	288,978,170,210	119,534,641,560	997,170,643,724
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	603,970,398,659	85,558,195,400	17,953,471,871	49,670,303,967	757,152,369,897
Tổng nợ phải trả	603,970,398,659	85,558,195,400	17,953,471,871	49,670,303,967	757,152,369,897

3- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

a) Số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	123	10,933,041,096	(10,933,041,096)		(i)
Phải thu ngắn hạn	131	256,752,424,570		256,752,424,570	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	136	176,075,751,995	164,089,321,516	340,165,073,511	(iii)
Hàng tồn kho	141	368,384,932,575	(156,837,512,303)	211,547,420,272	(iv)
Tài sản cố định hữu hình	221	122,421,647,766	(106,078,764,137)	16,342,883,629	(v)
- Nguyên giá	222	246,128,233,233	(131,943,879,974)	114,184,353,259	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(123,706,585,467)	25,865,115,837	(97,841,469,630)	
Bất động sản đầu tư	230		106,101,801,634	106,101,801,634	(vi)
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132,036,029,974	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25,934,228,340)	(25,934,228,340)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6,760,173,045	342,226,642	7,102,399,687	(xi)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	195,139,096,668	2,148,185,881	197,287,282,549	(xv)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài	254	(18,011,323,217)	14,411,323,217	(3,600,000,000)	(xii)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	73,052,828	296,883,719	369,936,547	(xiv)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	16,946,459,774	21,711,258,507	38,657,718,281	(vii)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	58,849,639,507	(3,681,231,883)	55,168,407,624	(xiii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân	421	(326,206,201,265)	(4,489,601,551)	(330,695,802,816)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	2,226,298,556	(943,084,426)	1,283,214,130	
Tăng giảm các khoản phải trả	11	19,839,827,622	943,084,426	20,782,912,048	(x)

b) Các điều chỉnh bao gồm:

Nội dung

	Số tiền
(i) Phân loại lại khoản đầu tư ủy quyền cá nhân gửi tiền có kỳ hạn sang phải thu	(10,933,041,096)
(iii) Bổ sung ủy quyền đầu tư cá nhân (10,933,041,096 đồng); ủy quyền đầu tư	164,089,321,516
(iv) Phân loại lại khoản ủy quyền đầu tư dở dang sang phải thu khác	(156,837,512,303)
(v) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	(106,078,764,137)
(vi) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	106,101,801,634
(vii) Bổ sung khoản phải nộp ngân sách nhà nước	21,711,258,507

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

(xi)	Điều chỉnh giảm NG TSCĐ hình thành do sửa chữa sang CP chờ phân bổ của	342,226,642
(xii)	Điều chỉnh trích lập dự phòng và lỗ đầu năm Công ty CP Đầu tư thủy điện An	14,411,323,217
(xiii)	Điều chỉnh giảm chi phí phải trả và phải thu công ty con về việc cho thuê nhà xưởng	(3,681,231,883)
(xiv)	Tài sản thuế TNHL tương ứng lãi cho thuê nhà xưởng Văn Lâm trong 2 năm 2019 và 2020	296,883,719
(xv)	Điều chỉnh lãi (lỗ) đầu kỳ liên doanh, liên kết với Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha	2,148,185,881

4- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 3 năm 2021:

Doanh thu quý này giảm so với cùng kỳ năm trước, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid dẫn đến việc chậm tổ chức thi công cũng như nghiệm thu thanh toán và dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết lớn dẫn đến lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Lý do phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là do thủy điện Nậm Hóa không có nước nên phát điện cho doanh thu thấp không đủ bù chi phí khấu hao và lãi vay ngân hàng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

